

Khảo sát sự tự chủ của trẻ vị thành niên có bố mẹ ly thân/ly hôn tại thành phố Huế

Trần Bình Thăng¹, Võ Nữ Hồng Đức¹, Nguyễn Ngô Bảo Khuyên¹, Nguyễn Văn Thông¹,
Đặng Thị Kim Chi², Phạm Thị Thu Hà¹, Hồ Uyên Phương¹, Trần Thị Trà My¹,
Nguyễn Thanh Gia¹, Nguyễn Minh Tâm¹, Nguyễn Minh Tú^{1*}
(1) Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Trong thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của nước ta hiện nay, sự tự chủ hay niềm tin vào bản thân của học sinh thật sự rất cần thiết. Người có sự tự chủ cao là người có khả năng tự đánh giá được chính xác, sẵn sàng đối phó với rủi ro và ý thức hoàn thành công việc. Nghiên cứu nhằm mục tiêu: mô tả sự tự chủ của trẻ vị thành niên có bố mẹ ly thân/ly hôn và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến sự tự chủ ở trẻ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 309 trẻ vị thành niên trong gia đình có bố mẹ ly thân/ly hôn trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp đối tượng bằng bộ câu hỏi bao gồm các thông tin về nhân khẩu-xã hội học, môi trường học đường, thang đo đánh giá mức độ tự chủ/tự tin của bản thân (Generalized Self-Efficacy scale – GSE). Hồi quy logistic đa biến được sử dụng để xác định yếu tố liên quan với mức độ tự chủ của trẻ. **Kết quả:** 40,8% (KTC 95%: 35,9 - 46,3) trẻ vị thành niên trong gia đình ly thân/ly hôn có sự tự chủ thấp. Mô hình hồi quy đa biến logistic cho thấy một số yếu tố liên quan sự tự chủ của trẻ là: giới tính, nhóm tuổi, tình trạng kinh tế gia đình, học lực, thời gian ly thân/ly hôn của bố mẹ, sống chung với ai, bạo lực học đường, bị bắt nạt, môi trường trường học, với mức ý p < 0,05. **Kết luận:** Trẻ vị thành niên trong gia đình có bố mẹ ly thân/ly hôn có sự tự chủ khá thấp. Do đó cần cung cấp cho trẻ kiến thức về sự tự chủ, kết hợp giữa người chăm sóc trẻ và nhà trường để nâng cao sự tự chủ của trẻ.

Từ khóa: sự tự chủ, trẻ vị thành niên, ly thân/ly hôn.

The self - efficacy of adolescents with a divorced or separated in Hue city

Tran Binh Thang¹, Vo Nu Hong Duc¹, Nguyen Ngo Bao Khuyen¹, Nguyen Van Thong¹,
Pham Thi Thu Ha², Ho Uyen Phuong¹, Dang Thi Kim Chi², Tran Thi Tra My¹,
Nguyen Thanh Gia¹, Nguyen Minh Tam¹, Nguyen Minh Tu^{1*}
(1) Hue University of Medicine and Pharmacy, Hue University

Abstract

Objective: This study aimed to describe the self-efficacy of adolescent children from divorced/separated families and identify factors that correlate with their self-efficacy. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 309 students from divorced/separated families in Hue City. Data were collected through direct interviews with the participants, using a set of questions that included information about sociodemographics, school environment, and the Generalized Self-Efficacy scale (GSE). Multivariate logistic regression was used to identify factors related to children's self-efficacy. **Results:** The results showed that 40.8% (95% CI: 35.9 - 46.3) of adolescents from separated/divorced families had low self-efficacy. The factors related to children's self-efficacy, according to the multivariate logistic regression model, were gender, age group, economic family status, academic performance, parents' divorce/separation time, living with whom, school bullying, being bullied, and school environment. **Conclusions:** Adolescents from separated/divorced families had low self-efficacy. Therefore, it is necessary to provide children with knowledge of self-efficacy and to collaborate between caregivers and schools to enhance children's self-efficacy.

Keywords: self-efficacy, adolescents, separated/divorced.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự tự chủ là ý thức và niềm tin cá nhân vào bản thân về việc họ có thể tạo ra sự thay đổi và mong

muốn đạt hiệu quả thông qua các hoạt động. Người có sự tự chủ cao là người có khả năng tự đánh giá được chính xác, sẵn sàng đối phó với rủi ro và ý thức

hoàn thành công việc [1]. Tự chủ là một trong những phẩm chất quý giá và vô cùng quan trọng đối với mỗi người đặc biệt là đối với những trẻ đang trong lứa tuổi học đường. Nhờ có tính tự chủ mà trẻ luôn ở thế chủ động, tạo ra các động lực và sự quyết tâm trong học tập. Ngoài ra, trẻ tự chủ thường cố gắng vượt qua những khó khăn, thử thách, theo đuổi những mục tiêu đã đặt ra. Một số nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng mức độ tự tin vào năng lực bản thân cao có liên quan đến sự tự chủ cao hơn, đó là một trong những yếu tố quan trọng nhất góp phần thay đổi hành vi [2]. Các nhà nghiên cứu giáo dục và tâm lý học cũng cho rằng một đứa trẻ càng có sự tự chủ càng có thái độ học tập nghiêm túc và chăm chỉ hơn, đồng thời cũng có thái độ lạc quan, không ỷ lại, không né tránh, kiên trì và ít lo lắng hơn, vậy nên hiệu quả trong học tập và trong cuộc sống cũng tốt hơn [1].

Gia đình được xem là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng hình thành nhân cách và giáo dục của mỗi con người. Vị thành niên từ 10 - 19 tuổi là giai đoạn có nhiều thay đổi về tâm sinh lý và xã hội, là giai đoạn trẻ muốn khẳng định bản thân mình nên rất dễ thay đổi tính cách và hành vi ứng xử [3]. Trong giai đoạn này trẻ cần được quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và động viên từ bố mẹ nếu không sẽ có những hành động và suy nghĩ bộc phát không phù hợp [3,4]. Ở lứa tuổi này, các em có hai nhiệm vụ cơ bản là tự chủ, dần trở nên độc lập với cha mẹ và định hình bản sắc cá nhân. Chính vì vậy, cách nuôi dạy con cái của cha mẹ có ý nghĩa quan trọng với thanh thiếu niên [5].

Trong những thập niên gần đây, tình trạng ly hôn ở các quốc gia phương Tây và phương Đông ngày càng gia tăng [6]. Số liệu tại thống kê của Liên hợp quốc cho thấy, tại Châu Âu cứ 100 cuộc hôn nhân thì 42 cuộc hôn nhân kết thúc bằng ly hôn [7]. Theo thống kê cho thấy, tại Việt Nam hiện có khoảng 60.000 vụ ly hôn/năm tương đương 0,75 vụ/1.000 dân. Tỷ lệ ly hôn so với kết hôn 25%, có nghĩa trong 4 cặp vợ chồng đăng ký kết hôn thì 1 đôi ra tòa [8]. Abhishek K Bhardwaj và cộng sự đã chỉ ra rằng bố mẹ ly hôn sẽ mất đi tình yêu thương, sự giáo dục gây ảnh hưởng lớn đến tinh thần và tâm lý của con cái, ngoài ra sau khi ly hôn kỹ năng nuôi dạy trẻ của bố mẹ cũng giảm sút nghiêm trọng. Trẻ sống trong gia đình có bố mẹ ly hôn gặp nhiều rắc rối trong việc học tập, các mối quan hệ tình cảm và có khả năng mắc các rối loạn tâm thần khác cao [9]. Theo thống kê tại Hoa Kỳ, ly hôn ảnh hưởng đến khoảng một triệu trẻ em mỗi năm [10]. Trẻ sống trong gia đình có bố mẹ ly thân/ly hôn thường đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong cuộc sống. Vì vậy, việc hình thành sự tự chủ trở nên quan trọng hơn đối với các em. Các em phải mạnh

mẽ, tự lập hơn so với các bạn sống trong gia đình có bố mẹ bình thường. Sự tự chủ giúp trẻ vượt qua những khó khăn, có niềm tin vào bản thân từ đó có cái nhìn lạc quan về cuộc sống. Từ những lý do trên chúng tôi thực hiện đề tài **“Khảo sát sự tự chủ của trẻ vị thành niên có bố mẹ ly thân ly hôn tại thành phố Huế”**. Với mục tiêu mô tả sự tự chủ của trẻ vị thành niên có bố mẹ ly thân/ly hôn và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến sự tự chủ ở trẻ.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: học sinh trung học có bố mẹ ly thân/ly hôn và đang học tập tại thành phố Huế, được sự chấp thuận từ người giám hộ.

- Tiêu chuẩn loại trừ: học sinh đang mắc các vấn đề về sức khỏe không có khả năng khảo sát, học sinh không đồng ý tham gia nghiên cứu, không được sự chấp thuận từ người giám hộ.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 06/2022 đến tháng 04/2023 tại bốn trường bao gồm 2 trường THCS và 2 trường THPT trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

2.4.1. Cỡ mẫu

Cỡ mẫu tính theo công thức ước tính một tỷ lệ trong dự án nghiên cứu các vấn đề sức khỏe tâm thần ở học sinh. Cỡ mẫu thực tế trong nghiên cứu là 309 đối tượng tham gia nghiên cứu.

2.4.2. Phương pháp chọn mẫu

- Giai đoạn 1: chọn ngẫu nhiên 2 trường THCS trong tổng số 26 trường và 2 trường THPT trong tổng số 11 trường trên địa bàn thành phố Huế.

- Giai đoạn 2: tiến hành chọn mẫu toàn bộ học sinh có bố mẹ ly thân/ly hôn của 4 trường. Tất cả các học sinh được ban giám hiệu nhà trường và giáo viên chủ nhiệm xác nhận thuộc gia đình có bố mẹ ly thân/ly hôn. Chúng tôi tiến hành gửi giấy mời tham gia nghiên cứu đến người giám hộ của 342 học sinh. Sau đó, nhận được 309 phản hồi đồng ý tham gia nghiên cứu, 33 học sinh còn lại không nhận được phản hồi. Vì vậy trong nghiên cứu của có 309 học sinh đủ điều kiện tham gia vào nghiên cứu.

- Giai đoạn 3: tiến hành phỏng vấn 309 học sinh có đủ điều kiện để thu thập thông tin nghiên cứu.

2.5. Phương pháp thu thập thông tin và biến số

- Công cụ thu thập số liệu: bộ công cụ được thiết kế dựa vào các biến số đã xây dựng.

- Điều tra viên được tập huấn và hướng dẫn về

bộ công cụ và cách tiếp cận, phỏng vấn đối tượng nghiên cứu

- Bộ công cụ bao gồm 4 phần

Phần 1: Thông tin về nhân khẩu - xã hội: giới tính, lớp, tôn giáo, kinh tế gia đình, trình độ học vấn bố, trình độ học vấn mẹ, học lực, số anh chị em trong gia đình, thời gian bố mẹ ly thân/ly hôn, đang chung sống với ai. Trong đó biến kinh tế gia đình được phân làm 2 nhóm nghèo/cận nghèo và nhóm khác (trung bình, khá giả, giàu) dựa trên số nghèo/cận nghèo của địa phương đã cung cấp.

Phần 2: Đánh giá về bạo lực học đường và bị bắt nạt học đường dựa trên bộ câu hỏi GSHS 2019 [11].

Vấn đề bạo lực học đường đánh giá thông qua 2 câu hỏi: trong 12 tháng qua bạn bị đánh bao nhiêu lần? Trong 12 tháng qua bạn tham gia đánh nhau bao nhiêu lần. Bạo lực (bị đánh) xảy ra khi một hoặc một nhóm học sinh đánh một học sinh khác, sử dụng vũ khí (như gậy gộc, dao, côn, gạch đá, súng...) làm học sinh đó bị thương. Khi hai học sinh khỏe như nhau chủ động đánh nhau thì không được tính là bạo lực hay bị đánh.

+ Có bạo lực học đường: ≥ 1 lần

+ Không có bạo lực học đường: 0 lần

Vấn đề bị bắt nạt học đường được đánh giá thông qua 2 câu hỏi: Trong 30 ngày qua, bạn bị bắt nạt ở trường (hoặc gần trường hoặc trên đường đi học/đi học về) trong bao nhiêu ngày? Trong 30 ngày qua, bạn thường bị bắt nạt như thế nào? Việc bắt nạt xảy ra khi một hoặc một nhóm học sinh nói hay làm 1 việc gì đó xấu đối với 1 học sinh khác. Khi 1 học sinh bị trêu tức quá nhiều hoặc bị tẩy chay cũng được gọi là bị bắt nạt. Khi 2 học sinh khỏe như nhau cãi nhau, đánh nhau hoặc trêu đùa nhau cho vui thì không gọi là bắt nạt.

+ Có bị bắt nạt học đường: ≥ 1 lần

+ Không bị bắt nạt học đường: 0 lần

Phần 3: Đánh giá về mức độ tự chủ/tự tin của bản thân theo 10 nhận định của thang đo tự tin Self - efficacy (SE). Có một cách gọi khác từ các nguồn tài liệu tiếng Anh là Generalized Self-Efficacy scale - GSE. GSE sử dụng để đo lường sự tự chủ/tự tin trong việc

thiết lập mục tiêu, các nỗ lực và kiên trì theo đuổi. Đánh giá mức độ chính xác của mỗi câu trong việc mô tả bản thân mình theo thang điểm Likert 4 mức độ từ 1 - Hoàn toàn không đúng, 2 - Không đúng lắm, 3 - Khá đúng, 4 - Hoàn toàn đúng. Từ phương án trả lời chúng tôi sẽ nhóm lại thang đo cho mỗi nhận định thành 2 nhóm: 1 - đúng và 0 - sai. Cụ thể ở thang đo có giá trị 1 - Đúng sẽ gồm hai phương án Khá đúng và Hoàn toàn đúng (giá trị 3 và 4), và giá trị 0 - Sai gồm hai phương án trả lời Hoàn toàn không đúng và Không đúng lắm. Điểm tự chủ tính theo thang điểm 10.

0 điểm: Sự tự chủ thấp nhất, 10 điểm: có sự tự chủ cao nhất [1].

+ Tự chủ cao ≥ 6 điểm

+ Tự chủ thấp < 6 điểm

Phần 4: Môi trường học đường

Về đánh giá chất lượng trường học, đánh giá dựa trên 8 câu hỏi về tần suất các hành vi trong vòng 6 tháng qua, các câu hỏi xoay quanh các vấn đề về cảm nhận của học sinh đối với trường học bao gồm: Vui vẻ khi đến trường; áp lực điểm số; an toàn ở trường; được thầy cô động viên; được thầy cô lắng nghe; được thầy cô đối xử công bằng; bị thầy cô phê bình; được bạn bè giúp đỡ. Các câu hỏi được cho điểm từ 1 = Không bao giờ đến 5 = Luôn luôn. Điểm được tính dựa trên việc cộng tổng điểm các câu hỏi và được đánh giá dựa trên điểm cắt

+ Tốt ≥ 32 điểm

+ Chưa tốt < 32 điểm

2.6. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1, xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. Kết quả được mô tả bằng bảng tần suất và tỷ lệ phần trăm. Mô hình hồi quy đa biến logistic để xác định các yếu tố liên quan đến sự tự chủ. Lấy mức có ý nghĩa thống kê $p < 0,05$.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự thông qua của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế (Mã số: H2021/424). Đối tượng tham gia được giải thích rõ về mục đích, nội dung nghiên cứu. Các thông tin thu thập được giữ bí mật và chỉ được sử dụng phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin chung

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu n=309

	Thông tin chung	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	175	56,6
	Nữ	134	43,4

Nhóm tuổi	12 - 14	174	56,3
	15 - 17	135	43,7
Tôn giáo	Có	209	67,6
	Không	100	32,4
Tình trạng kinh tế gia đình	Nghèo/cận nghèo	10	3,2
	Khác	299	96,8
Trình độ học vấn mẹ	≤ THPT	172	55,7
	Cao đẳng/đại học/sau đại học	137	44,3
Học lực	Trung bình	61	19,7
	Từ khá trở lên	248	80,3
Con thứ mấy trong gia đình	Con một	64	20,7
	Con đầu	104	33,7
	Con giữa	48	15,5
	Con út	93	30,1
Thời gian bố mẹ ly thân/ly hôn	≤ 3 năm	203	65,7
	> 3 năm	106	34,3
Sống với ai	Sống cùng mẹ	208	67,3
	Sống cùng bố	101	32,7
Bạo lực học đường	Có	38	12,3
	Không	271	87,7
Bị bắt nạt	Có	17	5,5
	Không	292	94,5
Môi trường học đường	Chưa tốt	102	33,0
	Tốt	207	67,0

Trong nghiên cứu có 56,6% trẻ nam, 56,3% trẻ từ 12 - 14 tuổi, 67,6% có tôn giáo, 3,2% sống trong gia đình nghèo/cận nghèo, 44,3% trẻ có mẹ học cao đẳng, đại học, sau đại học, 80,3% trẻ có học lực từ khá trở trên. Bố mẹ có thời gian ly hôn trên 3 năm chiếm 34,3%, tỷ lệ trẻ bị bạo lực học đường chiếm 12,3%, trẻ bị bắt nạt chiếm 5,5%, trẻ có môi trường học tốt chiếm 67%, 30,1% trẻ là con út.

3.2. Tần suất về sự tự chủ của trẻ vị thành niên

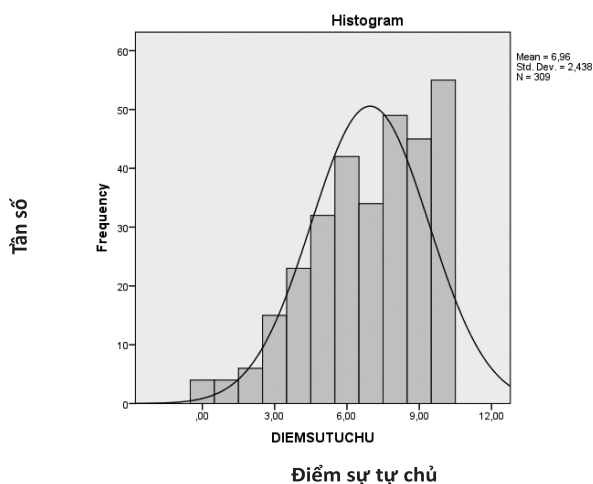
Bảng 2. Tần suất về sự tự chủ của trẻ vị thành niên

Sự tự chủ của trẻ vị thành niên	Sai (%)	Đúng (%)
Em luôn tự xoay sở để giải quyết được các vấn đề khó khi em thực sự cố gắng	31,4	68,6
Nếu bị ai đó ngăn cản, em luôn tìm được phương tiện và cách thức để đạt được điều mình muốn	36,2	63,8
Em có thể dễ dàng tập trung theo đuổi mục tiêu và đạt được mục đích của mình	24,3	75,7
Em tự tin rằng em có thể đối phó một cách hiệu quả khi gặp sự việc không lường trước	50,5	49,5
Nhờ sự tháo vát của mình, em biết cách đối phó với các tình huống bất ngờ xảy ra	37,5	62,5

Em có thể giải quyết hầu hết các vấn đề gặp phải nếu em có đủ nỗ lực	24,6	75,4
Em có thể giữ được bình tĩnh khi gặp khó khăn vì em tin vào khả năng đương đầu với thử thách của mình	32,4	67,6
Khi đối đầu với một vấn đề nào đó, em thường có thể tìm được vài giải pháp khác nhau để giải quyết	22,3	77,7
Nếu gặp rắc rối, em thường có thể nghĩ ra cách giải quyết	23,6	76,4
Em thường có thể giải quyết vấn đề theo cách của mình	21,4	78,6

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ trẻ trả lời đúng, đạt 75% trở lên ở các nhận định “Em có thể dễ dàng tập trung theo đuổi mục tiêu và đạt được mục đích của mình” (75,7%), “Em có thể giải quyết hầu hết các vấn đề gặp phải nếu em có đủ nỗ lực” (75,4%), “Khi đối đầu với một vấn đề nào đó, em thường có thể tìm được vài giải pháp khác nhau để giải quyết” (77,7%), “Nếu gặp rắc rối, em thường có thể nghĩ ra cách giải quyết” (76,4%), “Em thường có thể giải quyết vấn đề theo cách của mình” (78,6%). Các nhận định còn lại đạt từ 49,5% đến 68,6%.

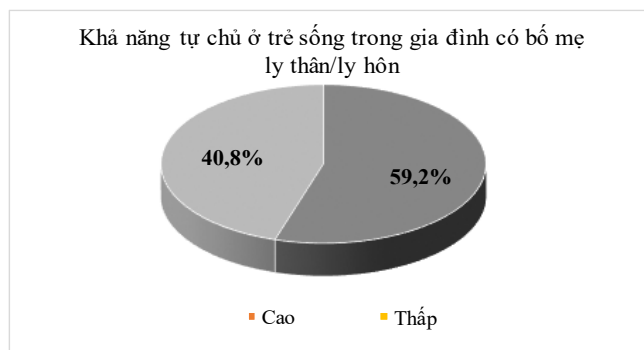
3.3. Phân bố tần suất tổng điểm tự chủ



Biểu đồ 1. Phân bố tần suất tổng điểm tự chủ

Biểu đồ 1 mô tả tỷ lệ đánh giá mức độ tự chủ của trẻ vị thành niên theo thang điểm trung bình từ 0 - 10 cho thấy, sự tự chủ ở trẻ với điểm trung bình là 6,96, độ lệch chuẩn là 2,43. Trong đó chỉ 16,8% trẻ ở điểm trung bình về mức độ tự chủ dưới mức trung bình 0 - 4 điểm, có 35% điểm trung bình từ 5 - 7 điểm và có 48,3% điểm trung bình khoảng 8 - 10 điểm.

3.4. Khả năng tự chủ ở học sinh sống trong gia đình có bố mẹ ly thân/ly hôn



Biểu đồ 2. Khả năng tự chủ ở trẻ sống trong gia đình có bố mẹ ly thân/ly hôn

Kết quả từ biểu đồ 2 cho thấy, trẻ vị thành niên có khả năng tự chủ cao chiếm 59,2%, trẻ có khả năng tự chủ thấp chiếm tỷ lệ 40,8%.

3.5. Mối liên quan sự tự chủ của trẻ ở theo mô hình hồi quy logistic đa biến

Bảng 3. Mối liên quan sự tự chủ của trẻ ở theo mô hình hồi quy logistic đa biến

Đặc điểm	Nội dung	Khả năng tự chủ		OR	KTC 95%	p
		Thấp	Cao			
Giới tính	Nữ	65 (48,5)	69 (51,5)	1		
	Nam	61 (34,9)	114 (65,1)	2,42	1,40 - 4,21	0,002
Nhóm tuổi	12 - 14	83 (47,7)	91 (52,3)	1		
	15 - 17	43 (31,9)	92 (68,1)	2,04	1,74 - 3,57	0,012
Tôn giáo	Không	44 (44,0)	56 (56,0)	1		
	Có	82 (39,2)	127 (60,8)	1,46	0,83 - 2,58	0,186
Tình trạng kinh tế gia đình	Nghèo/cận nghèo	8 (80,0)	2 (20,0)	1		
	Khác	118 (39,5)	181 (60,5)	9,44	1,54 - 57,84	0,015
Trình độ học vấn mẹ	Cao đẳng/đại học/sau đại học	64 (46,7)	73 (53,3)	1		
	≤ THPT	62 (26,0)	110 (64,0)	1,52	0,89 - 2,62	0,126
Học lực	Trung bình	36 (59,0)	25 (41,0)	1		
	≥ Khá	90 (36,3)	158 (63,7)	2,50	1,26 - 4,97	0,009
Con thứ mấy trong gia đình	Con út	40 (43,0)	53 (57,0)	1		
	Con một	23 (35,9)	41 (64,1)	2,05	0,95 - 4,42	0,065
	Con đầu	40 (38,5)	64 (61,5)	1,40	0,72 - 2,74	0,313
	Con giữa	23 (47,9)	25 (52,1)	0,93	0,39 - 2,18	0,874
Thời gian bố mẹ ly thân/ly hôn	≤ 3 năm	91 (44,8)	112 (55,2)	1		
	> 3 năm	35 (33,0)	71 (67,0)	2,04	1,14 - 3,64	0,015
Sống với ai	Sống cùng bố	50 (49,5)	51 (50,5)	1		
	Sống cùng mẹ	76 (36,5)	132 (63,5)	1,99	1,13 - 3,64	0,016
Bạo lực học đường	Có	28 (73,7)	10 (26,3)	1		
	Không	98 (36,2)	173 (63,8)	4,93	1,93 - 12,55	0,001
Bị bắt nạt	Có	14 (82,4)	3 (17,6)	1		
	Không	112 (38,4)	180 (61,6)	4,75	1,05 - 21,26	0,043
Môi trường trường học	Chưa tốt	46 (45,1)	56 (54,9)	1		
	Tốt	80 (38,8)	127 (61,4)	2,69	1,16 - 6,23	0,020

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố liên quan sự tự chủ của trẻ theo mô hình hồi quy đa biến logistic bao gồm: Giới tính, nhóm tuổi, tình trạng kinh tế gia đình, học lực, thời gian ly thân/ly hôn của bố mẹ, sống chung với ai, bạo lực học đường, bị bắt nạt, môi trường trường học, với mức ý p < 0,05.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 309 trẻ vị thành niên, trong đó trẻ có khả năng tự chủ cao chiếm 59,2%, trẻ có khả năng tự chủ thấp chiếm tỷ lệ 40,8%. Trong đó tỷ lệ nam giới 38,9% (KTC 95%: 27,8 - 42,2), nữ giới 48,5% (KTC 95%: 39,2 - 57,0) có sự tự chủ thấp. Kết quả phân tích cho thấy có 5 trong 10 nhận định

đưa ra tỷ lệ trẻ trả lời đúng đạt 75% trở lên. Trong đó trẻ trả lời đúng cao nhất nhận định “Em thường có thể giải quyết vấn đề theo cách của mình” (78,6%). Từ kết quả cho thấy rằng mức độ tự chủ ở trẻ có bố mẹ ly thân/ly hôn tương đối thấp. Điểm tự chủ trung bình ở trẻ là 6,96 kết quả này cao hơn so với điểm tự chủ của trẻ vị thành niên trên toàn quốc được

UNICEF công bố vào năm 2018 là 6,66 [1]. Trẻ có sự tự chủ cao thể hiện trong các tình huống bất ngờ và đặc biệt trong hoàn cảnh khó khăn nhiều trẻ tin vào khả năng của bản thân, giữ được thái độ bình tĩnh để giải quyết vấn đề một cách dễ dàng [1].

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố liên quan sự tự chủ của trẻ theo mô hình hồi quy đa biến logistic bao gồm: Giới tính (OR = 2,42; KTC 95%: 1,40 - 4,21), nhóm tuổi (OR = 2,04; KTC 95%: 1,74 - 3,57), tình trạng kinh tế gia đình (OR = 9,44; KTC 95%: 1,54 - 57,84), học lực (OR = 2,50; KTC 95%: 1,26 - 4,97), thời gian ly thân/ly hôn của bố mẹ (OR = 2,04; KTC 95%: 1,14 - 3,64), sống chung với ai (OR = 1,99; KTC 95%: 1,13 - 3,64), bạo lực học đường (OR = 4,93; KTC 95%: 1,93 - 12,55), bị bắt nạt (OR = 4,75; KTC 95%: 1,05 - 21,26), môi trường trường học (OR = 2,69; KTC 95%: 1,16 - 6,23) với mức ý nghĩa $p < 0,05$.

Trong nghiên cứu của chúng tôi nhóm trẻ nam có khả năng tự chủ cao gấp 2,42 lần so với nhóm trẻ nữ. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của UNICEF cho thấy mức độ tự chủ ở trẻ trai cao hơn trẻ gái [1]. Đồng thời kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương đồng với nghiên cứu của Ze Wei Ma tại Trung Quốc chỉ ra rằng mức độ tự chủ của trẻ gái thấp hơn trẻ trai [12]. Trẻ từ 15 - 17 tuổi có khả năng tự chủ cao hơn 2,04 lần so với trẻ từ 12 - 14 tuổi. Mức độ tự chủ vào năng lực bản thân thay đổi theo độ tuổi, kinh nghiệm cá nhân và khác nhau giữa các cá nhân. Những thay đổi ở tuổi dậy thì góp phần phát triển năng lực bản thân khi tương tác với các yếu tố tâm lý xã hội [13]. Qua đó cho thấy rằng vị thành niên là độ tuổi quan trọng để nâng cao sự tự chủ của bản thân.

Môi trường gia đình có vai trò rất quan trọng đối với quá trình trưởng thành và phát triển của trẻ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận được sự tự chủ của trẻ và tình trạng kinh tế gia đình có liên quan với nhau. Trẻ sống trong gia đình có tình trạng kinh tế không thuộc hộ nghèo và cận nghèo có khả năng tự chủ cao gấp 9,44 lần so với trẻ sống trong gia đình nghèo/cận nghèo.

Nhiều bậc bố mẹ không nhận thức được tác động của sự hỗn loạn sau ly hôn đối với con cái của họ, các em có nguy cơ cao mắc nhiều tình trạng sức khỏe tâm thần bao gồm rối loạn cảm xúc và hành vi, kết quả học tập kém, trầm cảm, lo lắng, ý định tự tử, cố gắng tự tử, đau khổ, hút thuốc và lạm dụng chất gây nghiện [14,15]. Tuy nhiên, sự đau khổ về thể chất lẫn tinh thần sẽ giảm dần theo thời gian [15]. Trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy trẻ có bố mẹ ly thân/ly hôn trên 3 năm có khả năng tự chủ cao gấp

2,04 lần so với trẻ còn lại. Sống trong gia đình có bố mẹ ly hôn các em phải tự chăm sóc bản thân mình nhiều hơn, bên cạnh đó có lẽ do thời gian bố mẹ ly hôn đã lâu khiến các em dần thích nghi với cuộc sống hiện tại. Điều này có thể dẫn đến việc trẻ học được cách đối phó với sự thay đổi, trở nên linh hoạt và tự chủ trong việc giải quyết các vấn đề khác nhau.

Trẻ sống chung với mẹ có khả năng tự chủ cao hơn 1,99 lần so với trẻ sống chung với bố. Trong nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Quang cho thấy sự ủng hộ của bố mẹ có liên quan đến sự tự chủ của con cái [5]. Bên cạnh đó trong nghiên cứu của Kvarme đã chỉ ra rằng những trẻ sống trong gia đình có bố hoặc mẹ đơn thân có điểm số tự chủ thấp hơn so với những trẻ sống chung với bố và mẹ [13]. Qua hai nghiên cứu trên, có thể thấy rằng khi gia đình có đầy đủ cả bố và mẹ trẻ có khả năng phát triển đầy đủ và toàn diện hơn. Trẻ không có đầy đủ tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc của cả bố và mẹ là một thiệt thòi rất lớn. Vì vậy sau ly hôn bố/mẹ cần dành thời gian cho con, tránh tình trạng bỏ rơi trẻ.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, trẻ có học lực từ khá trở lên có khả năng tự chủ cao, cao gấp 2,50 lần so với các trẻ còn lại. Những người có mức độ tự tin vào năng lực bản thân cao chọn thực hiện các nhiệm vụ khó khăn hơn. Họ đặt cho mình những mục tiêu cao hơn và bám sát chúng. Trong nghiên cứu của chúng tôi môi trường trường học tốt, trẻ có khả năng tự chủ cao gấp 2,69 lần so với môi trường trường học chưa tốt. Theo Brandura sự tự chủ là một khái niệm có thể thay đổi, chẳng hạn như thông qua tư vấn thiết lập mục tiêu, động lực từ người khác và thông qua giáo dục [16]. Qua đó cho thấy môi trường học đường là những môi trường có tiềm năng góp phần thay đổi và cải thiện kỹ năng của trẻ.

Trẻ không bị bạo lực học đường có khả năng tự chủ cao gấp 4,93 lần so với trẻ bị bạo lực học đường. Trẻ không bị bắt nạt có khả năng tự chủ cao hơn trẻ bị bắt nạt gấp 4,75 lần. Mức độ tự chủ vào năng lực của bản thân có liên quan đến cảm xúc tích cực và khả năng giải quyết vấn đề hiệu quả [13]. Theo một nghiên cứu tại Hy Lạp cho thấy rằng sự tự tin vào năng lực của bản thân đã điều chỉnh mối quan hệ giữa bắt nạt và bị bắt nạt, khi trẻ có niềm tin vào năng lực bản thân cao hơn sẽ sử dụng nhiều biện pháp đối phó thích ứng hơn [2]. Một thanh thiếu niên có điểm thấp trên thang đo sự tự chủ có thể có nhiều khả năng đặt mục tiêu cá nhân thấp hơn và có lòng tự trọng thấp hơn. Trong bối cảnh bị bắt nạt, lòng tự trọng kém của thanh thiếu niên có thể ảnh hưởng đến nhận thức của họ [17].

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu đã đưa ra số liệu về sự tự chủ ở trẻ vị thành niên và các yếu tố liên quan đến sự tự chủ của trẻ có bố mẹ ly thân/ly hôn tại thành phố Huế. Theo đánh giá trên thang điểm 10, chỉ có 16,8% trẻ ở điểm trung bình về mức độ tự chủ dưới mức trung bình 0-4 điểm, có 35% điểm trung bình từ 5 - 7 điểm và có 48,3% điểm trung bình khoảng 8-10 điểm. Trong đó có 59,2% trẻ được đánh giá có khả năng tự chủ cao, trẻ có khả năng tự chủ thấp chiếm tỷ lệ 40,8%, trong đó tỷ lệ nam giới 38,9% (KTC 95%: 27,8 - 42,2), nữ giới 48,5% (KTC 95%: 39,2 - 57,0) có sự tự chủ thấp. Các yếu tố liên quan sự tự chủ của trẻ theo

mô hình hồi quy đa biến logistic bao gồm: giới tính, nhóm tuổi, tình trạng kinh tế gia đình, học lực, thời gian ly thân/ly hôn của bố mẹ, sống chung với ai, bạo lực học đường, bị bắt nạt, môi trường trường học, với mức ý p < 0,05.

Nghiên cứu cho thấy trẻ vị thành niên trong gia đình có bố mẹ ly thân/ly hôn có sự tự chủ khá thấp. Do đó cần cung cấp cho trẻ kiến thức về sự tự chủ, kết hợp giữa người chăm sóc trẻ và nhà trường để nâng cao sự tự chủ cho trẻ.

Lời cảm ơn: Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ kinh phí từ đề tài Đại học Huế mã số DHH 2021-04-155.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UNICEF. Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam. <https://www.unicef.org/vietnam/media/1016/file/B%C3%A1o%20t%C3%A1o%20t%C3%B3m%20t%E1%BA%Aft.pdf>
- [2] Kokkinos CMPP, Tsolakidou I, Tzeliou E. Coping with bullying and victimisation among pre-adolescents: the moderating effect of self-efficacy. *Emot Behav Diffic.* 2015;20(2):205–22.
- [3] Phạm Mai Quyên. Những tổn thương tâm lý của thiếu niên khi có bố mẹ ly hôn. Hội thảo cấp khoa Kết nối nổi và Phát triển. Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. 2021. https://csdlkhoa.hueuni.edu.vn/data/2021/7/HOI_THAO_CAP_KHOA_-_20_5_2021.pdf#page=37
- [4] D'Onofrio B, Emery R. Parental divorce or separation and children's mental health. *World Psychiatry.* 2019 Feb;18(1):100-101. doi: 10.1002/wps.20590. PMID: 30600636; PMCID: PMC6313686
- [5] Bui B, Hoang T, Nguyen NQ. Mối liên hệ giữa sự ủng hộ tính tự chủ của cha mẹ đối với lòng tự trọng, niềm tin vào năng lực của bản thân, và cảm xúc ở học sinh THPT [The association between parental autonomy support and offsprings' self-esteem, self-efficacy, and affects among high school students]. 2019.
- [6] Gilding, M. 1999. *Australian Families. A Comparative Perspectives.* Melbourne: Longman.
- [7] Department of Economic and Social Affairs. 2011. *Men in Families and Family Policy in Changing World.* New York: United Nations.
- [8] Trần Anh Quân, Nguyễn Như Quỳnh, Nguyễn Thị Ngọc Huyền. Tình trạng ly hôn tại Việt Nam – Nguyên nhân, giải pháp và cách khắc phục. *Đại học Quốc Gia Hà Nội.* DOI: <https://doi.org/10.31219/osf.io/a834j>.
- [9] Bhardwaj A, Agrawal G. PARENTS' DIVORCE: A CAUSE OF CHILDHOOD NEGLECT. *Asian Journal of Research in Social Sciences and Humanities.* 1 Tháng Giêng 2013;3:191–9.
- [10] Weitzman M, Adair R. Divorce and Children. *Pediatric Clinics of North America.* 1 Tháng Chạp 1988;35(6):1313–23.
- [11] UNICEF. Khảo sát hành vi sức khỏe học sinh toàn cầu 2019.
- [12] Ma ZW, Zeng WN, Ye KY. Gender differences in Chinese adolescents' subjective well-being: the mediating role of self-efficacy. *Psychol Rep.* 2015 Feb;116(1):311-21. doi: 10.2466/17.07.PR0.116k15w2. Epub 2015 Feb 4. PMID: 25650641.
- [13] Kvarme, L.G., Haraldstad, K., Helseth, S. *et al.* Associations between general self-efficacy and health-related quality of life among 12-13-year-old school children: a cross-sectional survey. *Health Qual Life Outcomes* 7, 85 (2009).
- [14] Çaksen H. The effects of parental divorce on children. *Psichiatriki.* 2022 Mar 28;33(1):81-82. doi: 10.22365/jpsych.2021.040. Epub 2021 Nov 26. PMID: 34860682
- [15] Kitson GC, Graham AV, Schmidt DD. Troubled marriages and divorce: a prospective suburban study. *J Fam Pract.* 1983 Aug;17(2):249-58. PMID: 6875484
- [16] Bandura A, Cioffi D, Taylor CB, Brouillard ME. Perceived self-efficacy in coping with cognitive stressors and opioid activation. *J Pers Soc Psychol.* 1988;55(3):479–88.
- [17] Haraldstad, K., Kvarme, L.G., Christophersen, KA. *et al.* Associations between self-efficacy, bullying and health-related quality of life in a school sample of adolescents: a cross-sectional study. *BMC Public Health* 19, 757 (2019).